

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép thành lập và hoạt động đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

Lần 1 số 274/UBCK-GP ngày 5 tháng 11 năm 2009

Thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính và cổ đông sáng lập

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy phép thành lập là 150 tỷ.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 57 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trong năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 23 nhân viên (2011: 25 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Bà Ngô Thị Hồng Ánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Ông Ngô Chí Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Ông Ngô Phương Chí	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Bà Mai Thị Minh Thu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Tiến Đức	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm.

Họ và tên	Chức vụ
Bà Ngô Bích Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Công ty đã thực hiện điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Ngô Bích Thanh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



NGÔ BÍCH THANH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 12-01-096

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, như được trình bày từ trang 5 đến trang 30. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2012.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi cũng đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hoặc các chuẩn mực và chế độ kế toán được chấp nhận (nếu có) tại Việt Nam bao gồm cả việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng, các ước tính kế toán và các xét đoán quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán (tiếp theo)

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.



PHẠM TIẾ HÙNG

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0495/KTV

HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN TIÊN DŨNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0800/KTV

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011 (Trình bày lại)
A. Tài sản ngắn hạn	100		430.492.256.468	87.032.362.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	87.740.241.141	46.457.693.636
1. Tiền	111		20.727.138.959	9.157.693.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.013.102.182	37.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.218.615.660	28.492.718.240
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.179.726.356	44.800.259.690
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.961.110.696)	(16.307.541.450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334.994.639.413	11.678.673.891
1. Phải thu khách hàng	131		3.000.000	530.999.999
2. Trả trước cho người bán	132		3.715.920	8.734.920
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	334.764.436.611	10.635.045.173
5. Các khoản phải thu khác	138	6.1	308.986.882	628.393.799
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(85.500.000)	(124.500.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		538.760.254	403.277.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	488.162.033	273.182.819
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	50.598.221	130.094.250
B. Tài sản dài hạn	200		5.873.298.263	8.222.836.200
II. Tài sản cố định	220		4.442.532.776	6.700.119.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.977.743.372	2.818.641.811
- Nguyên giá	222		5.429.806.876	5.429.806.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.452.063.504)	(2.611.165.065)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.464.789.404	3.881.477.912
- Nguyên giá	228		5.547.943.000	5.537.943.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.083.153.596)	(1.656.465.088)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.430.765.487	1.522.716.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	467.627.877	664.993.065
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		807.317.667	701.903.469
4. Tài sản dài hạn khác	268		155.819.943	155.819.943
Tổng cộng tài sản	270		436.365.554.731	95.255.199.036

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011
A. Nợ phải trả	300		346.537.572.586	7.970.090.868
I. Nợ ngắn hạn	310		346.537.572.586	7.970.090.868
2. Phải trả người bán	312		524.148.198	454.278.198
3. Người mua trả tiền trước	313		107.938.750	120.476.716
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	219.503.156	79.771.163
5. Phải trả người lao động	315		5.173.143	1.101.353
6. Chi phí phải trả	316	14	3.077.574.665	228.195.694
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	7.658.115.633	2.284.924.725
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	335.206.582.229	5.117.721.119
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		527.700	49.300
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		53.672.600	72.600
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(315.663.488)	(316.500.000)
B. Vốn chủ sở hữu	400		89.827.982.145	87.285.108.168
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.827.982.145	87.285.108.168
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		165.792.343	165.792.343
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.050.433.903	1.050.433.903
10. Lỗ lũy kế	420		(61.388.244.101)	(63.931.118.078)
Tổng cộng nguồn vốn	440		436.365.554.731	95.255.199.036

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011
6. Chứng khoán lưu ký	006		185.418.490.000	178.852.560.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		176.855.490.000	176.863.190.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		4.210.930.000	13.135.110.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		172.644.560.000	163.728.080.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		6.000.000	380.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		6.000.000	380.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		8.544.000.000	1.438.400.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		8.544.000.000	1.438.400.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		13.000.000	170.970.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	4.450.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		13.000.000	166.520.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		245.700.000	245.700.000

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013



NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu	01	18	17.315.318.931	14.044.895.528
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.165.453.975	2.487.372.258
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.694.897.593	2.287.673.551
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.329.090.909	445.454.546
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu khác	01.9		10.125.876.454	8.824.395.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu về hoạt động kinh doanh	10		17.315.318.931	14.044.895.528
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	(4.821.493.993)	16.368.584.835
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		12.493.824.938	(2.323.689.307)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	(9.954.849.890)	11.995.163.490
7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.538.975.048	(14.318.852.797)
8. Thu nhập khác	31		9.639.718	563.167.695
9. Chi phí khác	32		(5.740.789)	1.348.446.665
10. Lợi nhuận khác	40		3.898.929	(785.278.970)
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.542.873.977	(15.104.131.767)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế	60		2.542.873.977	(15.104.131.767)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	170	(1.007)

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013



NGÔ BÍCH THANH
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Thủy

NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2012	2011 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.542.873.977	(15.104.131.767)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.267.586.947	2.181.149.450
Các khoản dự phòng	03	(11.385.430.754)	3.549.213.180
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.959.315.181)	(11.082.033.006)
Chi phí lãi vay	06	4.554.155.308	96.449.771
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.980.129.703)	(20.359.352.372)
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(324.010.855.709)	17.280.007.105
Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	32.620.533.334	21.593.722.280
Thay đổi các khoản phải trả	11	335.818.315.051	1.173.278.508
Thay đổi chi phí trả trước	12	(17.614.026)	627.672.918
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.804.988.641)	(96.449.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	200.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(41.848.165)	(241.243.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.583.412.141	20.177.635.201
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.000.000)	(3.411.775.800)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	481.818.182	49.737.453
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.227.317.182	10.910.220.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.699.135.364	7.548.182.443
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.000.000.000	16.940.000.000
4 Chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(16.940.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	41.282.547.505	27.725.817.644
Tiền tồn đầu năm	60	46.457.693.636	18.731.875.992
Tiền tồn cuối năm	70	87.740.241.141	46.457.693.636

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính

Ngày 28 tháng 3 năm 2013


NGÔ BÍCH THANH
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần chứng khoán EuroCapital

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm				Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		1.1.2011	1.1.2012	Tăng	Năm trước	Giảm	Tăng	Năm nay	Giảm	31.12.2011	31.12.2012
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343	-	-	-	-	-	-	165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	-	-	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(48.930.457.827)	(63.931.118.078)	103.471.516	(15.104.131.767)	2.542.873.977	-	(63.931.118.078)	-	(61.388.244.101)	(61.388.244.101)
Tổng cộng		102.285.768.419	87.285.108.168	103.471.516	(15.104.131.767)	2.542.873.977	-	87.285.108.168	-	89.827.982.145	

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013



NGO BÍCH THANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép thành lập và hoạt động đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

Lần 1 số 274/UBCK-GP ngày 5 tháng 11 năm 2009

Thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính và cổ đông sáng lập.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy phép thành lập là 150 tỷ.

Theo Giấy phép thành lập, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trong năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên **khoản lãi** chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	3 - 5

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 - 8 năm.

2.8. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- i) Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- ii) Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- iii) Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.
- iv) Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.10. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 đến 3 năm:

- Chi phí cải tạo hạ tầng sản giao dịch;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí khác.

2.11. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.12. Trích trợ cấp thôi việc

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

c) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

b) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.19. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.20. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Tiền mặt	63.326.352	19.739.722
Tiền gửi ngân hàng	9.853.489.376	1.741.415.971
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	3.206.582.229	5.117.721.119
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	7.603.741.002	2.278.816.824
Tiền gửi có kỳ hạn (1 tháng)	67.013.102.182	37.300.000.000
	87.740.241.141	46.457.693.636

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Nội dung	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng thực hiện trong năm
<i>Của công ty chứng khoán</i>	1.031.120	19.101.058.000
- Cổ phiếu	1.031.120	19.101.058.000
<i>Của nhà đầu tư</i>	165.900.887	1.727.075.011.300
- Cổ phiếu	165.900.887	1.727.075.011.300
	166.932.007	1.746.176.069.300

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

5. Tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính trong năm như sau:

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
I. Chứng khoán thương mại	1.338.526	445.663	34.388.319.690	12.179.726.356	1.574.660	2.673.440	(16.307.541.450)	(4.961.110.696)	18.082.352.900	7.243.119.100	18.082.352.900	7.243.119.100
Cổ phiếu niêm yết	1.313.956	421.073	33.918.749.690	11.709.717.556	1.574.660	2.673.440	(16.307.541.450)	(4.960.671.896)	17.612.782.900	6.751.719.100	17.612.782.900	6.751.719.100
ACB	51.947	51.947	1.899.676.400	1.899.676.400	-	-	(777.621.200)	(1.052.940.300)	1.122.055.200	846.736.100	1.122.055.200	846.736.100
PVG	60.010	30.010	672.130.000	266.106.752	-	-	(96.034.000)	(23.025.752)	576.096.000	243.081.000	576.096.000	243.081.000
VND	160.077	-	1.875.563.800	-	-	-	(787.040.200)	-	1.088.523.600	-	1.088.523.600	-
BHS	56.658	19.998	1.273.065.000	449.341.012	-	-	(287.215.800)	(129.373.012)	985.849.200	319.968.000	985.849.200	319.968.000
DPM	130.000	-	4.770.165.850	-	-	-	(1.676.165.850)	-	3.094.000.000	-	3.094.000.000	-
DRC	20.009	-	887.046.000	-	-	-	(544.892.100)	-	342.153.900	-	342.153.900	-
HPG	97.509	72.310	4.142.350.000	2.152.644.044	-	-	(2.435.942.500)	(634.134.044)	1.706.407.500	1.518.510.000	1.706.407.500	1.518.510.000
HSG	103.060	-	967.641.000	-	-	-	(112.243.000)	-	855.398.000	-	855.398.000	-
HVG	146.710	106.680	6.946.726.670	4.209.419.948	-	-	(3.997.855.670)	(1.723.775.948)	2.948.871.000	2.485.644.000	2.948.871.000	2.485.644.000
KHA	59.334	-	1.626.111.800	-	-	-	(1.133.639.600)	-	492.472.200	-	492.472.200	-
LCG	275.340	80.000	5.317.421.080	1.544.978.697	-	-	(3.004.565.080)	(912.978.697)	2.312.856.000	632.000.000	2.312.856.000	632.000.000
PET	123.708	50.008	2.410.428.800	974.394.364	-	-	(925.932.800)	(349.294.364)	1.484.496.000	625.100.000	1.484.496.000	625.100.000
VSC	20.000	-	920.000.000	-	-	-	(394.000.000)	-	526.000.000	-	526.000.000	-
Cổ phiếu khác	9.594	10.120	210.423.290	213.156.339	1.574.660	2.673.440	(134.393.650)	(135.149.779)	77.604.300	80.680.000	77.604.300	80.680.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	24.570	24.590	469.570.000	470.008.800	-	21.830.000	-	(438.800)	469.570.000	491.400.000	469.570.000	491.400.000
- CTCP Viễn thông tin học bưu điện	24.570	24.570	469.570.000	469.570.000	-	21.830.000	-	-	469.570.000	491.400.000	469.570.000	491.400.000
- Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	-	20	-	438.800	-	-	-	(438.800)	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tình hình đầu tư tài chính trong năm như sau: (tiếp theo trang 18)

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
					Tăng		Giảm			
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
III. Đầu tư tài chính khác (*)	-	-	10.411.940.000	-	-	-	-	-	10.411.940.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 048/2009/ECC-ĐT	-	-	7.345.000.000	-	-	-	-	-	7.345.000.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 33/2010/ECC-ĐT	-	-	2.366.940.000	-	-	-	-	-	2.366.940.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 34/2010/ECC-ĐT	-	-	700.000.000	-	-	-	-	-	700.000.000	-
	1.338.526	445.663	44.800.259.690	12.179.726.356	1.574.660	24.503.440	(16.307.541.450)	(4.961.110.696)	28.494.292.900	7.243.119.100

(*) Bao gồm các Hợp đồng hợp tác đầu tư sau:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 048/2009/ECC-ĐT ngày 26/9/2009 với bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi - Cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 734.500 cổ phiếu của Công ty. Hợp đồng đã thanh lý ngày 29 tháng 5 năm 2012.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 33/2010/ECC-ĐT ngày 31/12/2010 với ông Ngô Chí Dũng - Cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 236.694 cổ phiếu của Công ty. Hợp đồng đã thanh lý ngày 17 tháng 5 năm 2012.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 34/2010/ECC-ĐT ngày 31/12/2010 với bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi - Cổ đông của Công ty, phí 0% và không quy định thời hạn. Tài sản đảm bảo là 70.000 cổ phiếu của Công ty. Hợp đồng đã thanh lý ngày 4 tháng 6 năm 2012.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm		Số phát sinh			Số cuối năm	
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Táng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.635.045.173	-	-	734.209.016.127	(410.079.624.689)	334.764.436.611	-
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	537.786.295	-	-	240.693.152.586	(240.669.117.402)	561.821.479	-
- Đặt cọc mua chứng khoán (*)	8.000.000.000	-	-	371.126.300.000	(48.000.000.000)	331.126.300.000	-
- Phải thu cho vay giao dịch ký quỹ	2.097.258.878	-	-	122.389.563.541	(121.410.507.287)	3.076.315.132	-
Các khoản phải thu khác	628.393.799	-	124.500.000	69.041.497.164	(69.360.904.081)	308.986.882	-
	11.263.438.972	-	124.500.000	803.250.513.291	(479.440.528.770)	335.073.423.493	-
						85.500.000	85.500.000

(*) Là các khoản đặt cọc mua chứng khoán cho một số cá nhân ("Bên bán"). Công ty và Bên bán ký hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán, theo đó Công ty đặt cọc cho Bên bán một số tiền để Bên bán thực hiện việc tìm mua một số cổ phiếu OTC theo yêu cầu của Công ty. Trong trường hợp Bên bán không tìm mua được cho Công ty, Bên bán sẽ phải trả cho Công ty toàn bộ tiền cọc và tiền phạt cọc tính trên số ngày Bên bán nắm giữ tiền đặt cọc của Công ty. Đến ngày 28 tháng 3 năm 2013, tất cả các hợp đồng đã được thanh lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6.1. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Dự thu tiền lãi và phí	213.877.848	461.986.865
Phải thu cổ tức	-	71.297.900
Phải thu khác	95.109.034	95.109.034
	308.986.882	628.393.799

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	2012	2011
Số dư đầu năm	124.500.000	42.750.000
Tăng dự phòng trong năm	-	81.750.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(39.000.000)	-
Số dư cuối năm	85.500.000	124.500.000

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Công cụ, dụng cụ	-	39.603.260
Chi phí thuê văn phòng	62.823.169	63.262.765
Phí bảo trì phần mềm	377.940.968	19.038.416
Chi phí khác	47.397.896	151.278.378
	488.162.033	273.182.819

9. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Tam ứng	50.598.221	130.094.250
	50.598.221	130.094.250

10. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23.296.812	5.154.798.064	251.712.000	5.429.806.876
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.296.812	5.154.798.064	251.712.000	5.429.806.876
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	13.913.380	2.421.053.285	176.198.400	2.611.165.065
Tăng trong năm	3.882.802	786.673.237	50.342.400	840.898.439
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.796.182	3.207.726.522	226.540.800	3.452.063.504
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	9.383.432	2.733.744.779	75.513.600	2.818.641.811
Số dư cuối năm	5.500.630	1.947.071.542	25.171.200	1.977.743.372

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.537.943.000	5.537.943.000
Tăng trong năm	10.000.000	10.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	5.547.943.000	5.547.943.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	1.656.465.088	1.656.465.088
Tăng trong năm	1.426.688.508	1.426.688.508
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	3.083.153.596	3.083.153.596
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	3.881.477.912	3.881.477.912
Số dư cuối năm	2.464.789.404	2.464.789.404

12. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Công cụ dụng cụ	14.830.315	44.682.476
Chi phí cải tạo văn phòng	441.339.229	563.261.333
Chi phí khác	11.458.333	57.049.256
	467.627.877	664.993.065

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	178.097.690	49.108.215
Thuế thu nhập cá nhân	41.405.466	30.662.948
	219.503.156	79.771.163

13.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2012
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	2.542.873.977
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	(863.438.730)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	1.679.435.247
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.679.435.247)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	-

13.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Lãi nhận đặt cọc môi giới mua trái phiếu	2.749.166.667	-
Hoa hồng phải trả đại lý	127.301.674	-
Các khoản khác	201.106.324	228.195.694
	3.077.574.665	228.195.694

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	6.505.908	7.779.494
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	7.603.741.002	2.221.855.000
Phải trả khác	47.868.723	55.290.231
	7.658.115.633	2.284.924.725

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Nhận đặt cọc môi giới mua trái phiếu (*)	332.000.000.000	-
Tiền gửi của nhà đầu tư	3.206.582.229	5.117.721.119
	335.206.582.229	5.117.721.119

(*) Công ty nhận đặt cọc của các bên mua trái phiếu với số tiền là 332 tỷ theo điều khoản hợp đồng đặt cọc môi giới mua trái phiếu với nội dung tìm kiếm khách hàng có nhu cầu bán trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 3 đến 5 năm, lãi suất tối thiểu là 13%/năm. Công ty phải trả lãi suất đặt cọc trên thời gian Công ty nắm giữ số tiền đặt cọc. Đến ngày 28 tháng 3 năm 2013, tất cả các hợp đồng đã được thanh lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

17.1. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2012	2011
Vốn cổ phần đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	-	-
-------------------------------	---	---

17.2. Chi tiết vốn cổ phần

Cổ đông	31.12.2012	31.12.2011
Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	-	38.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Liên Minh	13.500.000.000	13.500.000.000
Ông Ngô Chí Dũng	-	18.866.940.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	-	19.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	-	8.045.000.000
Ông Trịnh Thanh Chương	7.500.000.000	7.500.000.000
Ông Vũ Tiến Đức	16.500.000.000	-
Mai Thị Minh Thu	16.533.060.000	-
Ngô Thị Hồng Ánh	68.261.940.000	-
Cổ đông khác	27.705.000.000	44.338.060.000
	150.000.000.000	150.000.000.000

17.3. Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

18. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nội dung	2012	2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.165.453.975	2.487.372.258
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	1.694.897.593	2.287.673.551
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.329.090.909	445.454.546
Doanh thu khác	10.125.876.454	8.824.395.173
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	8.650.962.676	5.698.433.060
- Lãi thu từ cho vay các giao dịch kỳ quỹ	940.397.009	2.643.454.052
- Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	504.516.766	470.910.529
- Khác	30.000.003	11.597.532
	17.315.318.931	14.044.895.528

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nội dung	2012	2011
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	9.153.233.451	10.317.001.781
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.841.484.661	1.839.117.403
Chi phí hoạt động tư vấn	355.715.329	345.659.006
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	155.235.803	122.657.889
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.346.430.754)	3.467.463.180
Chi phí khác	4.662.255.503	276.685.576
- Lãi nhận đặt cọc môi giới trái phiếu	4.549.200.000	-
- Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	4.955.308	-
- Khác	108.100.195	276.685.576
	4.821.493.993	16.368.584.835

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2012	2011
Chi phí nhân viên quản lý	2.849.308.066	4.035.804.226
Chi phí vật liệu quản lý	25.115.767	51.040.749
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.835.842	470.962.065
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.267.586.947	1.622.958.297
Thuế, phí và lệ phí	255.212.424	378.532.787
Chi phí dự phòng	(39.000.000)	81.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.282.705.442	4.988.997.759
Chi phí khác	273.085.402	365.117.607
	9.954.849.890	11.995.163.490

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2012	2011
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm	2.542.873.977	(15.104.131.767)
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần chia cho cổ đông phổ thông	2.542.873.977	(15.104.131.767)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	170	(1.007)

22. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Nội dung	31.12.2012		31.12.2011	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.740.241.141	-	46.457.693.636	-
Phải thu khách hàng	3.000.000	-	530.999.999	-
Trả trước cho người bán	3.715.920	-	8.734.920	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	334.764.436.611	-	2.635.045.173	-
Phải thu khác	308.986.882	(85.500.000)	8.628.393.799	(124.500.000)
Đầu tư ngắn hạn	12.179.726.356	(4.961.110.696)	44.800.259.690	(16.307.541.450)
	435.000.106.910	(5.046.610.696)	103.061.127.217	(16.432.041.450)

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	524.148.198	454.278.198
Người mua trả tiền trước	107.938.750	120.476.716
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	335.206.582.229	5.117.721.119
Chi phí phải trả	3.077.574.665	228.195.694
Phải trả khác	7.712.315.933	2.285.046.625
	346.628.559.775	8.205.718.352

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan nên Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá: Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của chứng khoán đầu tư. Các khoản chứng khoán đầu tư dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty chưa có dự định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Các rủi ro tín dụng của Công ty gồm rủi ro từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng), rủi ro từ hoạt động tài chính (gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Nội dung	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 31.12.2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.740.241.141	-	-	87.740.241.141
Phải thu khách hàng	3.000.000	-	-	3.000.000
Trả trước cho người bán	3.715.920	-	-	3.715.920
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	334.764.436.611	-	-	334.764.436.611
Phải thu khác	308.986.882	-	-	308.986.882
Đầu tư ngắn hạn	12.179.726.356	-	-	12.179.726.356
	435.000.106.910	-	-	435.000.106.910

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 1.1.2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.457.693.636	-	-	46.457.693.636
Phải thu khách hàng	530.999.999	-	-	530.999.999
Trả trước cho người bán	8.734.920	-	-	8.734.920
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.635.045.173	-	-	2.635.045.173
Phải thu khác	8.628.393.799	-	-	8.628.393.799
Đầu tư ngắn hạn	44.800.259.690	-	-	44.800.259.690
	103.061.127.217	-	-	103.061.127.217

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh khi thời điểm đáo hạn của các tài chính và nợ phải trả tài chính khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

Nội dung	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 31.12.2012				
Phải trả người bán	524.148.198	-	-	524.148.198
Người mua trả tiền trước	107.938.750	-	-	107.938.750
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	335.206.582.229	-	-	335.206.582.229
Chi phí phải trả	3.077.574.665	-	-	3.077.574.665
Phải trả khác	7.712.315.933	-	-	7.658.115.633
	346.628.559.775	-	-	346.628.559.775

Nội dung	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 1.1.2012				
Phải trả người bán	454.278.198	-	-	454.278.198
Người mua trả tiền trước	120.476.716	-	-	120.476.716
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.117.721.119	-	-	5.117.721.119
Chi phí phải trả	228.195.694	-	-	228.195.694
Phải trả khác	2.285.046.625	-	-	2.285.046.625
	8.205.718.352	-	-	8.205.718.352

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Nội dung	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.165.453.975	1.694.897.593	2.329.090.909	-	10.125.876.454	17.315.318.931
Chi phí bộ phận trực tiếp	(1.841.484.661)	2.193.197.303	(355.715.329)	(155.235.803)	(4.662.255.503)	(4.821.493.993)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(9.950.950.961)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.323.969.314	3.888.094.896	1.973.375.580	(155.235.803)	5.463.620.951	2.542.873.977
Tài sản bộ phận trực tiếp	345.788.637.690	84.148.533.570	-	-	9.609.034	429.946.780.294
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	6.418.774.437
Tổng tài sản	345.788.637.690	84.148.533.570	-	-	9.609.034	436.365.554.731
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	343.046.199.836	-	-	-	2.950.272.991	345.996.472.827
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	541.099.759
Tổng nợ phải trả	343.046.199.836	-	-	-	2.950.272.991	346.537.572.586

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý: Trong năm 2012, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh tại trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Nội dung	2012	2011
Lương và thưởng	686.693.689	652.550.000
	686.693.689	652.550.000

25. Phân loại lại

Bảng cân đối kế toán	Số dư 31.12.2011 (trước điều chỉnh)	Số dư 31.12.2011 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.635.045.173	10.635.045.173	8.000.000.000	(1)
Các khoản phải thu khác	8.628.393.799	628.393.799	(8.000.000.000)	(1)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2011 (trước điều chỉnh)	Năm 2011 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch	Ghi chú
Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	-	21.593.722.280	21.593.722.280	(2)
Thay đổi chi phí trả trước	22.221.395.198	627.672.918	(21.593.722.280)	(2)

Ghi chú:

- (1) Phân loại lại tiền đặt cọc theo hợp đồng môi giới chứng khoán sang nội dung đặt cọc mua chứng khoán từ khoản mục "Các khoản phải thu khác" sang khoản mục "Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán" để thể hiện cùng một bản chất.
- (2) Phân loại lại chứng khoán thương mại từ chỉ tiêu "Thay đổi chi phí trả trước" sang khoản mục "Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại" để thể hiện chứng khoán thương mại là một dạng hàng hóa theo đặc thù hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán.

26. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Công ty đã thực hiện điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật

27. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2013.



NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Kế toán trưởng